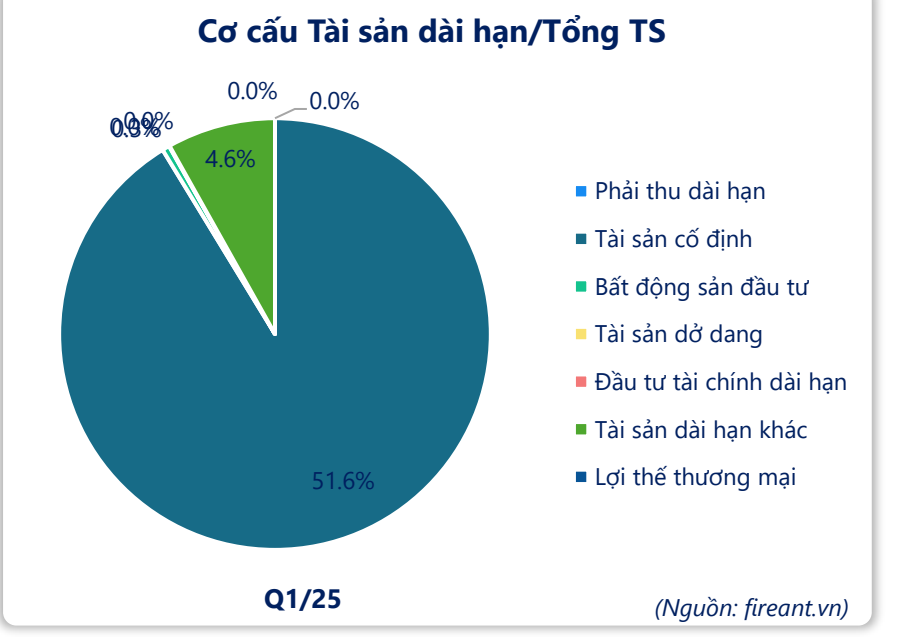
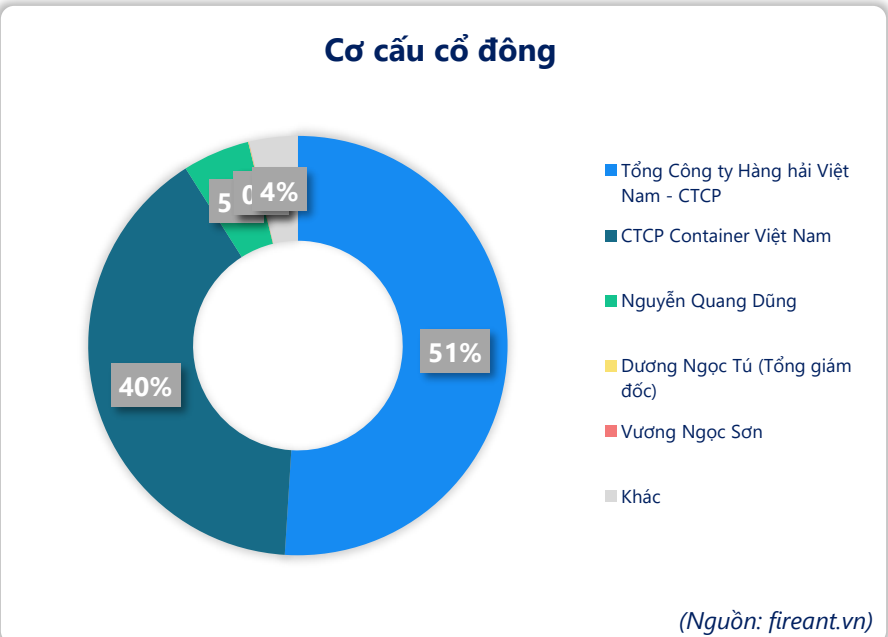
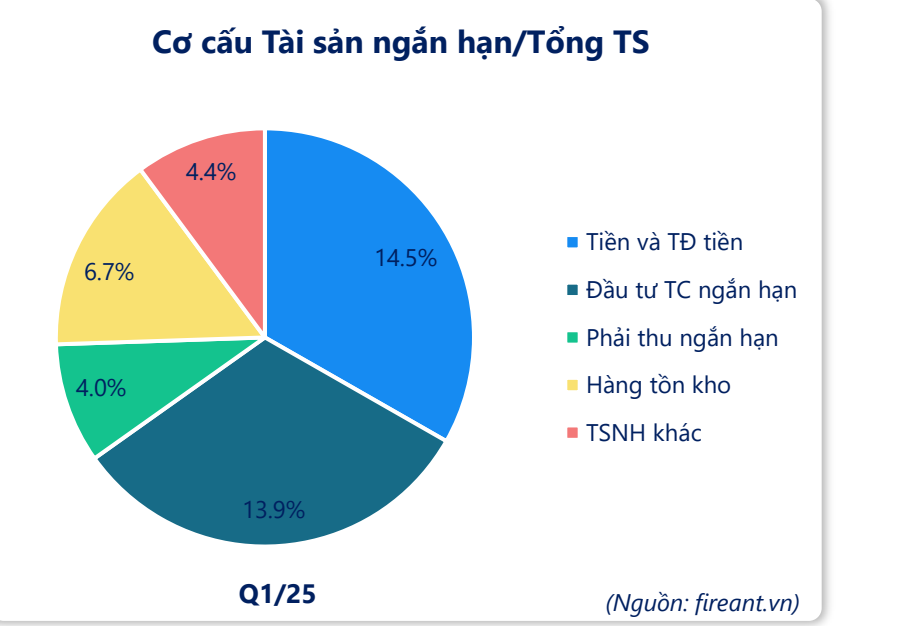
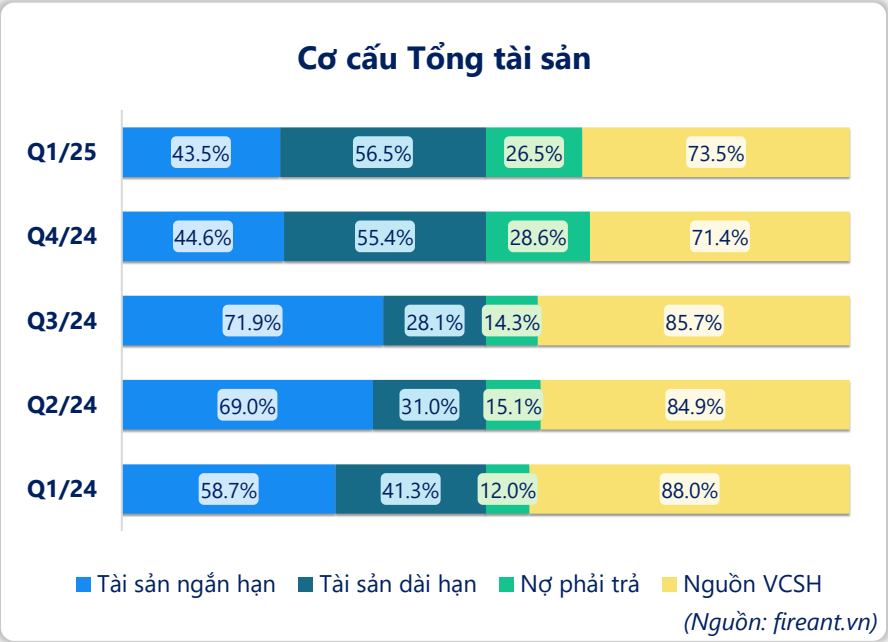
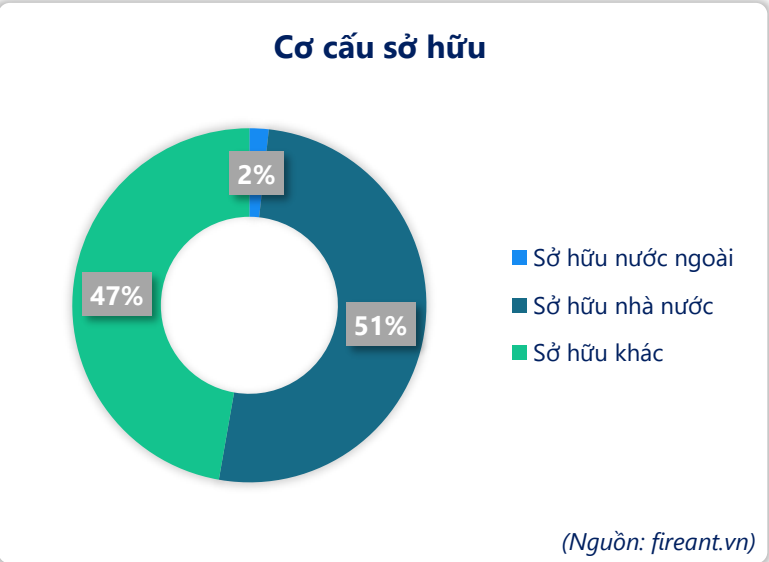
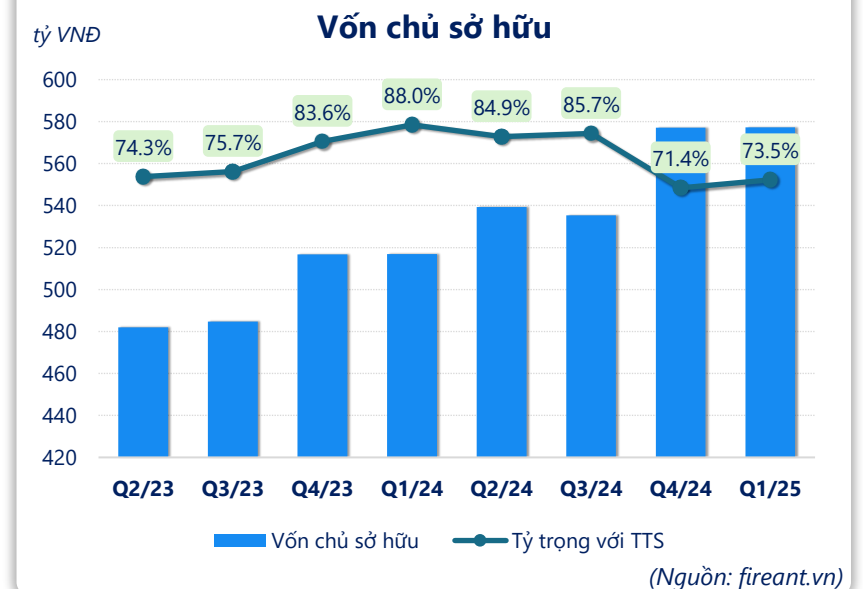
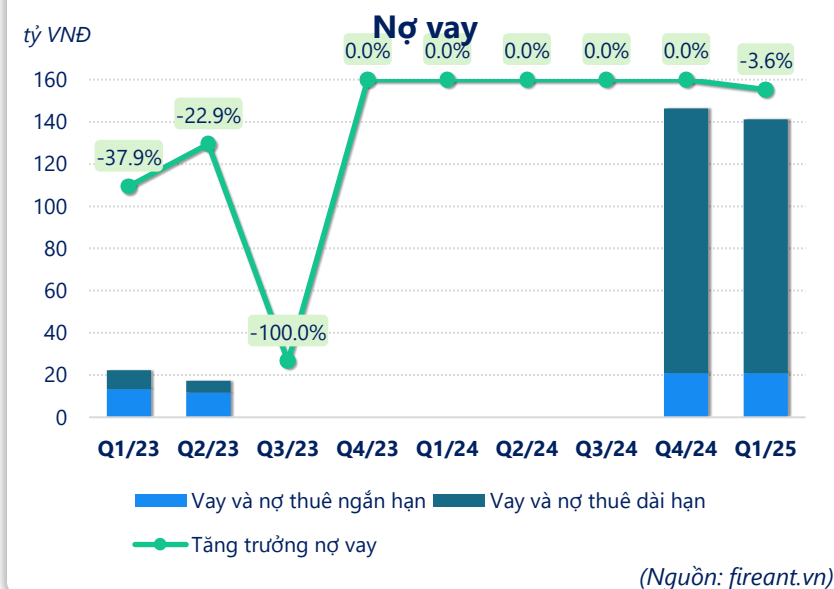
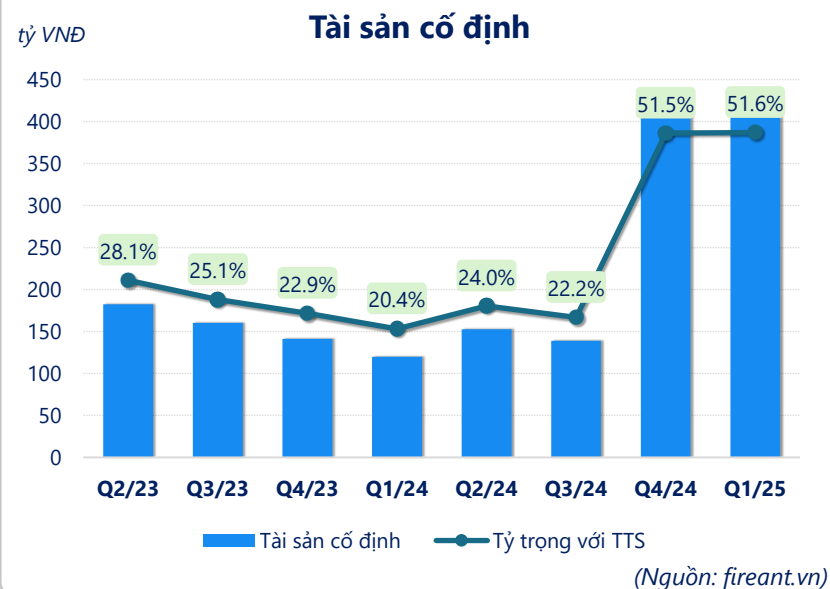
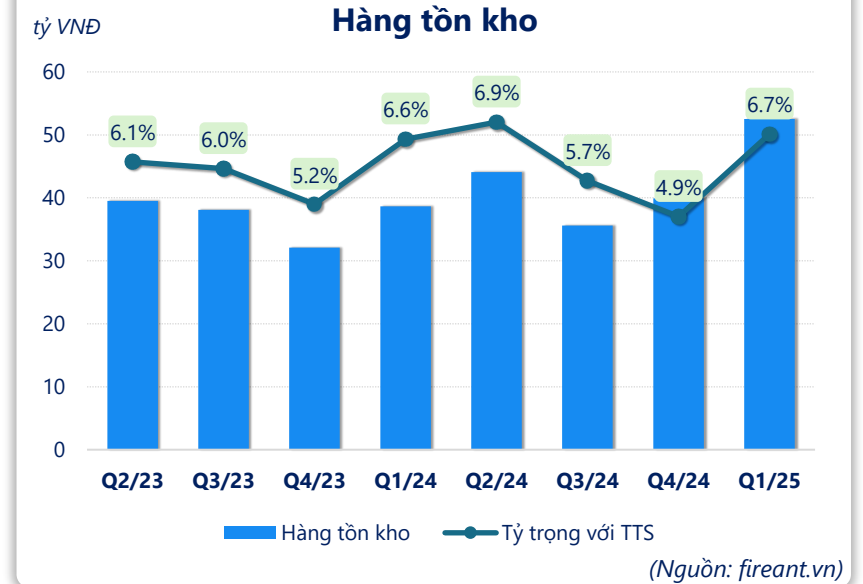
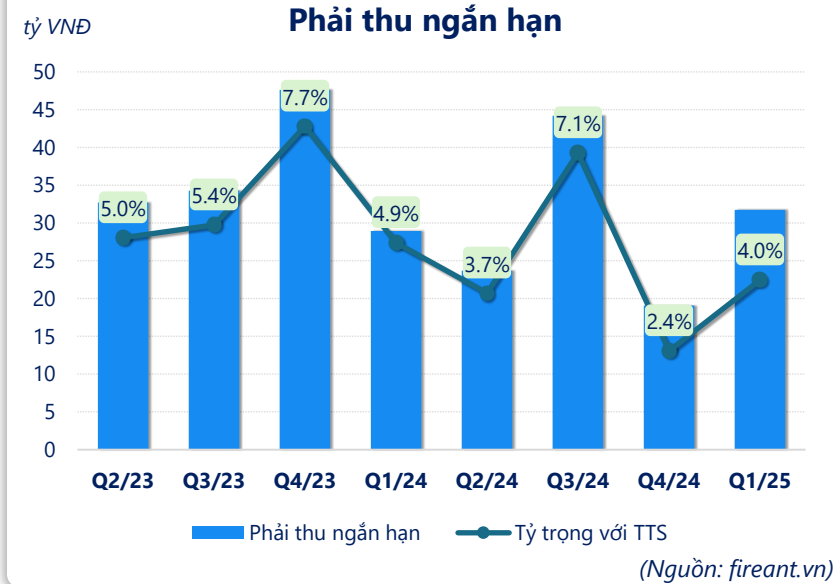
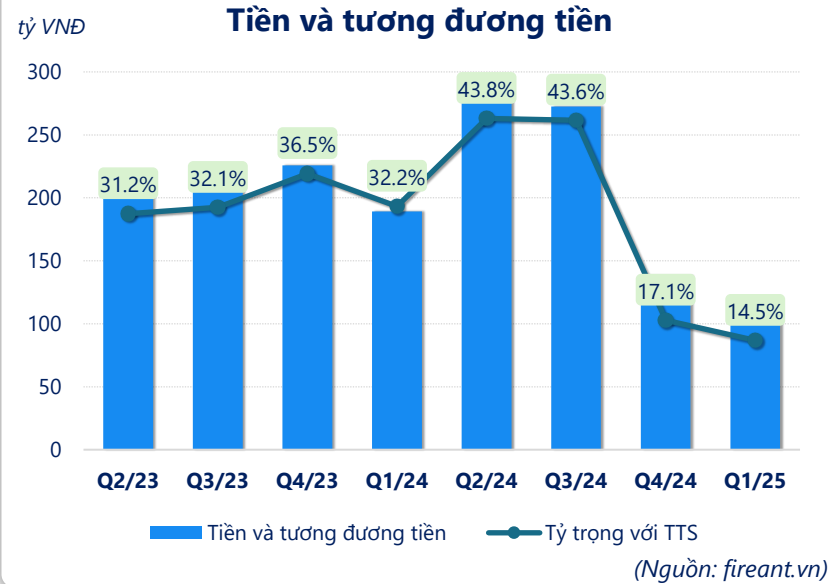
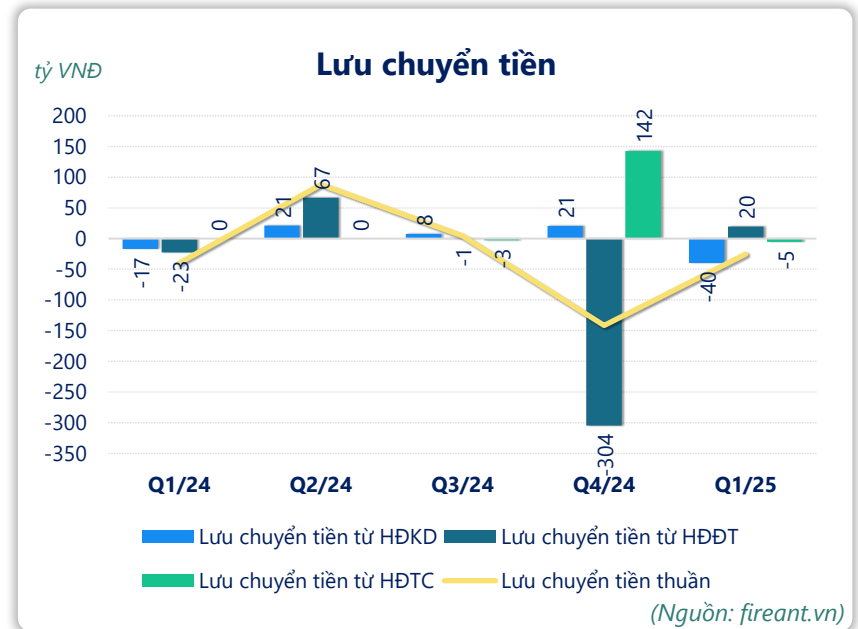
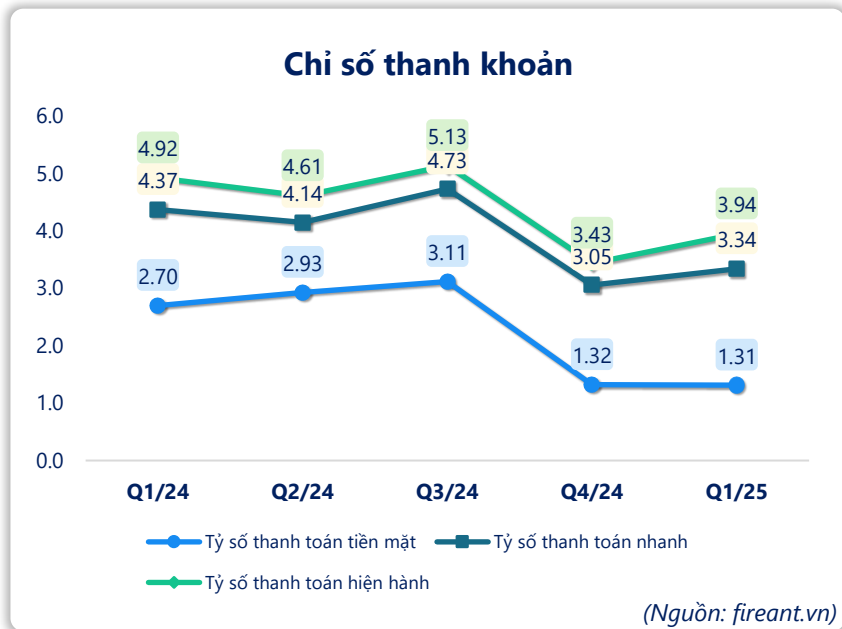
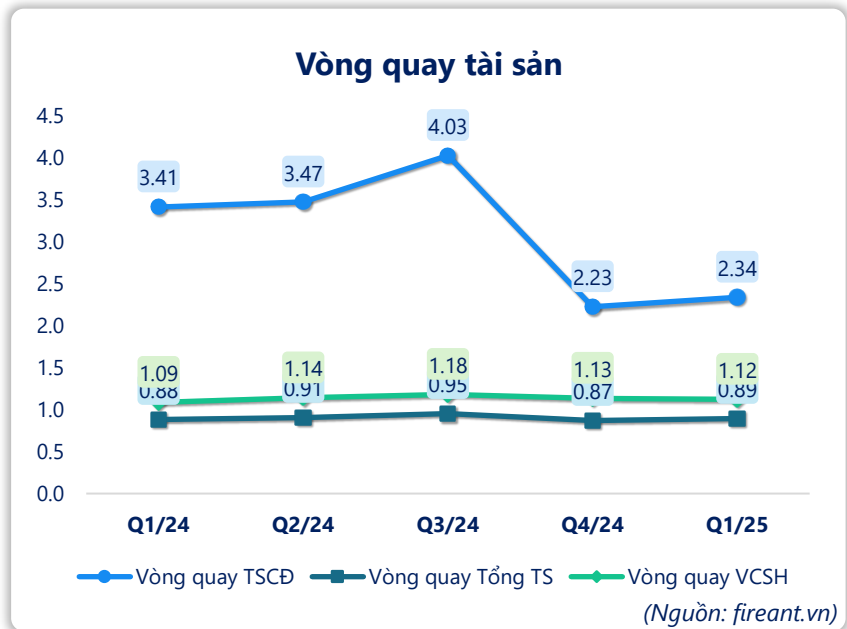
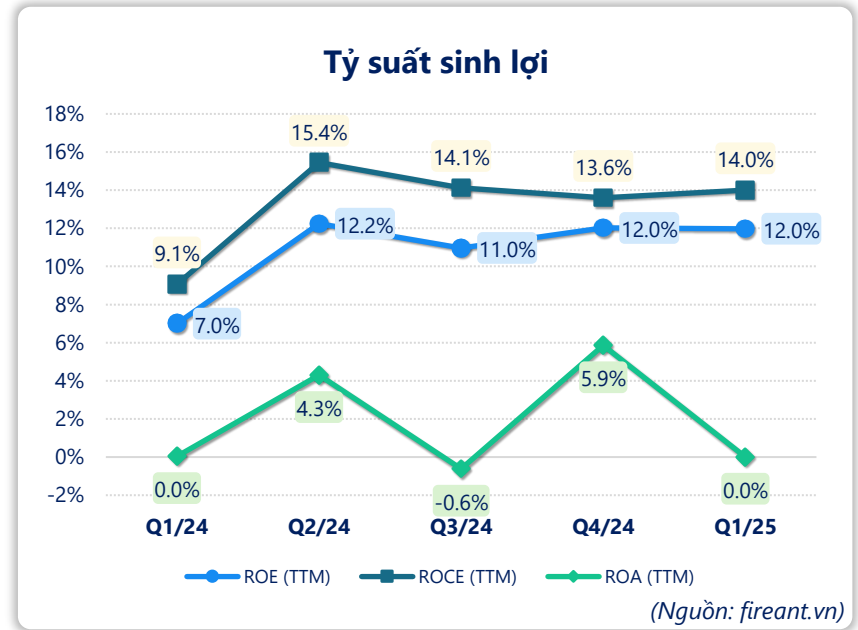
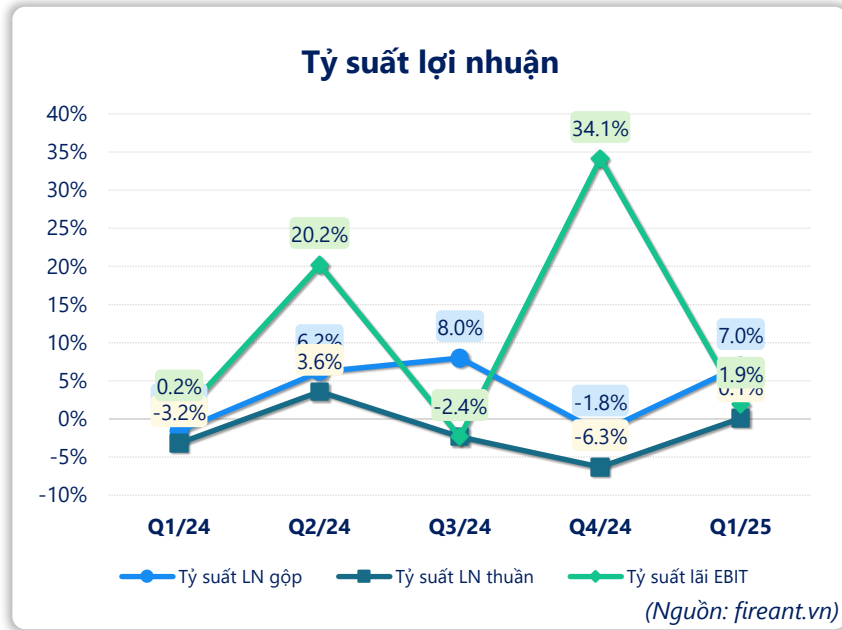
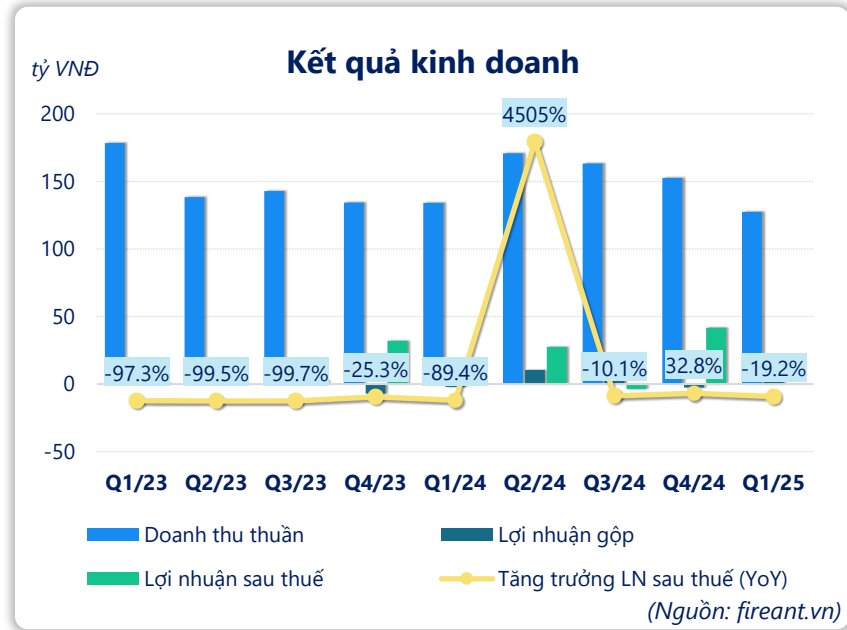


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,988
SL cổ phiếu LH		33,999,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,935
% sở hữu nước ngoài		1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		711
P/E		10.8
EPS		1,927

	YTD	1T	3T	6T
VNA	-7.5%	-4.6%	-6.7%	-21.1%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	785	809	-2.9%
Tài sản ngắn hạn	342	361	-5.3%
Tiền và tương đương tiền	114	139	-18.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	109	133	-18.0%
Phải thu ngắn hạn	31.8	19.1	66.6%
Hàng tồn kho	52.5	39.9	31.5%
Tài sản ngắn hạn khác	34.7	30.2	14.9%
Tài sản dài hạn	444	448	-0.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	405	416	-2.7%
Bất động sản đầu tư	2.44	2.64	-7.5%
Tài sản dở dang	0.18	1.22	-85.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	36.1	27.7	30.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	208	232	-10.1%
Nợ ngắn hạn	86.6	105	-17.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.9	20.9	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	35.3	27.6	28.0%
Nợ dài hạn	122	127	-4.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	120	125	-4.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	577	577	0.0%
Vốn chủ sở hữu	577	577	0.0%
Vốn điều lệ	340	340	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	134	171	163	153	127
Giá vốn hàng bán	136	160	150	155	119
Lợi nhuận gộp	-2.13	10.6	13.0	-2.69	8.85
Doanh thu HĐTC	5.64	5.25	1.04	9.90	2.43
Chi phí TC	0.08	0.18	8.97	1.20	2.80
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.78	2.31
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.12	2.27	1.83	3.33	1.99
Chi phí QLDN	5.57	7.23	7.10	12.3	6.37
LN thuần từ HĐKD	-4.26	6.11	-3.82	-9.62	0.12
Lợi nhuận khác	4.56	28.4	-0.03	60.9	-0.01
LN trước thuế	0.30	34.5	-3.85	51.2	0.11
Lợi nhuận sau thuế	0.27	27.6	-3.90	41.8	0.08
LNST của CĐ cty mẹ	0.27	27.6	-3.90	41.8	0.08

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-17.1	21.3	7.65	20.6	-39.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.7	66.7	-0.65	-304	19.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-2.60	142	-5.23
Tiền đầu kỳ	226	189	279	272	139
Lưu chuyển tiền thuần	-39.7	88.0	4.41	-142	-25.2
Ảnh hưởng tỷ giá	2.92	1.35	-10.5	7.71	0.20
Tiền cuối kỳ	189	279	272	139	114

(Nguồn: fireant.vn)